TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/HS-ST
Ngày 12- 03 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đèo Văn Vĩnh.

ông Lò Văn Chiên.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyên – Thư ký, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tham gia phiên tòa: bà Đặng Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo: **Lò Văn M**; Tên gọi khác: không có tên gọi khác; sinh ngày 16/8/1998, tại: tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: bản N, xã K, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T, sinh năm 1978 và con bà Tao Thị N, sinh năm 1981; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: bị cáo có 01 tiền sự: tại Quyết định số 18/QĐ-TA ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Lò Văn M bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 02 năm. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 10/7/2024. Hiện chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2025 đến ngày 21/11/2025 bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P - Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Xuân O – là Luật sư, ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 18/11/2025, Lò Văn M, sinh ngày 16/8/1998, trú bản N, xã K đi bộ từ nhà lên bản L, xã K tìm mua Heroine để sử dụng. Tại bản Lang, M gặp một người đàn ông không rõ lai lịch rủ đi lên bản K, xã D, tỉnh Lai Châu mua ma túy. Mãi đồng ý rồi ngồi sau xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) do người đàn ông điều khiển đi lên bản Khoa San, xã D Khi tới nơi, M đưa cho người đàn ông số tiền 100.000 đồng, người đàn ông nhận tiền rồi một mình đi vào trong bản Khoa San mua 01 gói Heroine *(bên ngoài gói bằng 01 mảnh giấy trắng loại giấy vệ sinh và 01 mảnh nilon màu hồng*) đưa cho M. Mãi

nhận gói Heroine cất giấu trong lòng bàn tay phải, còn người đàn ông tiếp tục đi mua bơm tiêm để sử dụng ma túy. Hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi Lò Văn M đang đứng trên đường thuộc bản Khoa San, xã D thì bị Công an xã D bắt quả tang, thu giữ của Mãi 01 gói Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 931 ngày 20/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: số chất bột, màu trắng thu giữ của Lò Văn M có khối lượng 0,17 gam, là ma túy, loại: *Heroine.*

Tại bản Cáo trạng số: 112/CT-VKSKV3 ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân khu vực 3- Lai Châu để xét xử bị cáo Lò Văn M, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lò Văn M, phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn M, từ 03 năm 01 tháng đến 03 năm 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ; Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập thấp và không làm việc trong các ngành nghề bị cấm hoạt động hoặc cấm đảm nhiệm nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 vỏ bì niêm phong đã mở, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng (loại giấy vệ sinh). Đây là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng. Đây là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng; đối với 0,17 gam Heroine thu giữ của Lò Văn M, Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về án phí: căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn M, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, sinh sống thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn M luôn thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo làm nghề lao động tự do và thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo khó khăn, thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội- đặc biệt khó khăn theo quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ quy định về vùng miền khó khăn giai đoạn năm 2021- năm 2025. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, không

áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, miễn án phí hình sự cho bị cáo theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14; về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân. Người bào chữa và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều là hợp pháp. Người bào chữa đã thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: tại phiên toà, bị cáo Lò Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 12 giờ 30 phút ngày 18/11/2025, tại bản Khoa San, xã D, tỉnh Lai Châu, Lò Văn M đang thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,17 gam Heroine, mục đích để sử dụng thì bị Công an xã D bắt quả tang.

Bị cáo Lò Văn M là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến hình hình an ninh, trật tự trên địa bàn các xã, phường, tỉnh Lai Châu. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý theo quy định

của pháp luật hình sự. Năm 2022, bị cáo Lò Văn M đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 02 năm theo tại Quyết định số 18/QĐ-TA ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 10/7/2024, hiện chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học để tự nguyện cai nghiện, tu chí làm ăn, phát triển kinh tế gia đình mà bị cáo lại tiếp tục đi mua ma túy nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an bắt quả tang. Như vậy, thể hiện bị cáo M có thái độ coi thường, xem nhẹ và bất chấp pháp luật, cần phải có mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo Lò Văn M. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, áp dụng điều khoản cũng như hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng, miễn án phí đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhân thân nên cần được chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phải không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa. Bị cáo Lò Văn M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo làm nghề lao động tự do và thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 vỏ bì niêm phong đã mở, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng (loại giấy vệ sinh). Đây là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng; đối với 0,17 gam Heroine thu giữ của Lò Văn M, Cơ quan điều tra đã gửi toàn bộ giám định chất ma túy (không hoàn lại mẫu vật) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lò Văn M là người dân tộc thiểu số, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa bị

cáo có ý kiến xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[10] Về trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú: Thông qua vụ án này, đề nghị cấp chính quyền địa phương các xã, phường, tỉnh Lai Châu cần nâng cao tuyên truyền, giải thích cho người dân có ý thức chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tăng cường đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy và có các biện pháp giữ gìn trật tự an ninh trên địa bàn.

* Các vấn đề liên quan: Về nguồn gốc ma tuý, bị cáo Lò Văn M khai nhờ một người đàn ông không rõ lai lịch mua hộ, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi bắt quả tang Lò Văn M, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra phát hiện trong nước tiểu của M có chất ma túy. Tuy nhiên Mãi không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự nên không phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" (sau khi Mãi chấp hành xong quyết định cai nghiện, UBND xã chưa lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện ma túy). Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đối với bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn M, phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lò Văn M 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu huỷ: 01 vỏ bì niêm phong đã mở, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng (loại giấy vệ sinh). Đây là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 09/03 /2026 giữa Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Lai Châu*).

4. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 3- Lai Châu;
- CQCSĐT CA tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS CA tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3- Lai Châu;
- Phòng HSNV (PV06) CA tỉnh Lai Châu;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu- Khu vực Phong Thổ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn